UBND HUYỆN GIA LÂM
TRƯỜNG THCS KIÊU KỴ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43 /QĐ-THCSKK

Kiêu Kỵ, ngày 12 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quí II năm 2023, tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2023 và công khai điều chỉnh cắt giảm kinh phí chi thường xuyên năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS KIÊU KỴ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán đến 30/06/2023 của Trường THCS Kiêu Kỵ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quí II năm 2023, thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2023 và công khai điều chỉnh cắt giảm dự toán chi thường xuyên năm 2023

(theo 02 biểu số 03 đính kèm).

Địa diểm công khai: niêm yết tại bảng tin công khai của nhà trường

Thời gian công khai: 90 ngày (từ ngày 13 tháng 07 năm 2023)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. BGH, Bộ phận kế toán, các đoàn thể và toàn thể các đồng chí CBGV - NV có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cổng thông tin điện tử ;
- Ban TTND, BCH Công đoàn;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ KIÊU KỲ

Trương Thị Kim Huế

UBND HUYỆN GIA LÂM
TRƯỜNG THCS KIÊU KỴ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI
SỐ LIỆU VÀ THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
QUÝ 2 NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2023 Trường THCS Kiêu Kỵ. thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2023, cụ thể như sau:

I- Tổng số thu, chi nộp ngân sách, phí, lệ phí:

1-Thu phí, lệ phí: Không có

2-Thu – chi sự nghiệp khác:

- Thu: Thực hiện trong quí 2 là 848.752.000 đồng đạt 29,4% so với dự toán năm 2023 đạt 158,7% so với cùng kỳ năm trước tăng 58,7%.

- Chi: Thực hiện trong quí 2 là 740.896.447 đồng đạt 25,6% so với dự toán năm 2023 đạt 172,7% so với cùng kỳ năm trước tăng 72,7%.

II- Chi NSNN

1-Kinh phí thực hiện chi thường xuyên:

Thực hiện trong quí 2 là 1.281.671.978 đồng đạt 18,7% so với dự toán năm 2023 so với cùng kỳ năm trước đạt 96.8,3% giảm 3,8%.

Trong đó so với dự toán năm 2023:

- Chi thanh toán cá nhân 1.140.510.120 đồng đạt 21,2%
- Thông tin tuyên truyền liên lạc 3.316.005 đồng đạt 6,5%
- Công tác phí : 5.623.400 đồng đạt 15,4%.

- Chi phí thuê mướn : 24.000.000 đồng đạt 16,4%
- Chi nghiệp vụ chuyên môn: 108.212.000 đạt 31,7% .

2.Kinh phí không thường xuyên: không có

Trên đây là công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 2 năm 2023.

Kiêu Kỵ, ngày 12 tháng 07 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ KIÊU KỴ

Trương Thị Kim Huế

GIA LÂM T.P HÀ NỘI
IG CƠ SỞ KỴ

Đơn vị: TRƯỜNG THCS KIÊU KỴ

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiêu Kỵ, ngày 12 tháng 07 Năm 2023

CÔNG KHAI
THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2022)
(Kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-THCSKK ngày 12 /07/2023 của Trường THCS Kiêu Kỵ)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90./2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Kiêu Kỵ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Qúy II năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện Quí 2 năm 2023	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**				
1	**Số thu sự nghiệp**	**2.888.730.000**	**848.752.000**	**29,4%**	**158,7%**
1.1	Học phí	796.500.000	166.516.000		
1.2	Học 2 buổi	642.600.000	212.700.000	33,1%	
1,3	Học thêm	1.449.630.000	469.536.000	32,4%	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**2.888.730.000**	**740.896.447**	**25,6%**	**172,7%**
2.1	Chi sự nghiệp	2.888.730.000	740.896.447	25,6%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Học phí	796.500.000	75.922.000		
	Học 2 buổi	642.600.000	198.794.976	30,9%	
	Học thêm	1.449.630.000	466.179.471	32,2%	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	0	0	0,0%	0,0%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**0**	**0**	**0,0%**	**0,0%**
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				

II	**DỰ TOÁN CHI NSNN**	**6.846.000.000**	**1.281.671.978**	**18,7%**	96,8%
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**6.846.000.000**	**1.281.671.978**	**18,7%**	96,8%
3,1	***Kinh phí thực hiện chi thường xuyên***	***6.846.000.000***	***1.281.671.978***	**18,7%**	96,8%
	KP tiết kiệm 10% CCTL	0	0		
6001-6304	Chi thanh toán cá nhân	5.376.237.000	1.140.510.120	**21,2%**	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	224.000.000	10.453	**0,0%**	
6550	Vật tư văn phòng	277.467.000		**0,0%**	
6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc	50.760.000	3.316.005	**6,5%**	
6650	Chị hội nghi	72.403.000	0	**0,0%**	
6700	Thanh toán công tác phí	36.600.000	5.623.400	**15,4%**	
6750	Chi phí thuê mướn	146.566.000	24.000.000	**16,4%**	
6900+7053	Chi mua sắm, sửa chữa lớn	231.369.000		**0,0%**	
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	340.948.000	108.212.000	**31,7%**	
7750	Chi khác	89.650.000		**0,0%**	
1.2	***Kinh phí chi không thường xuyên***	***0***	***0***		
6001-6304	Chi thanh toán cá nhân	0			
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng				
6550	Vật tư văn phòng				
6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc				
6650	Chị hội nghi				
6700	Thanh toán công tác phí				
6750	Chi phí thuê mướn				
6900+7050	Chi mua sắm, sửa chữa lớn				
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
7750	Chi khác				

nggày 12 tháng 7 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGÔ THÌ NHIỆM

Trương Thị Kim Huê

UBND HUYỆN GIA LÂM
TRƯỜNG THCS KIÊU KỴ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI
SỐ LIỆU VÀ THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán đến 30/06/2023 Trường THCS Kiêu Kỵ. thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau (Số liệu chi tiết theo biểu 03 kèm theo):

I- Tổng số thu, chi nộp ngân sách, phí, lệ phí:

1-Thu phí, lệ phí: Không có

2-Thu – chi sự nghiệp khác:

- Thu: Thực hiện đến 30/06/2023 là 534.699.000 đồng đạt 22,9% so với dự toán năm 2022 đạt 46,4% so với cùng kỳ năm trước, giảm 53,4%.

- Chi: Thực hiện đến 30/06/2022 là 454.319.567 đồng đạt 19,5% so với dự toán năm 2022 đạt 40,7% so với cùng kỳ năm trước giảm 59,3%.

II- Chi NSNN

1-Kinh phí thực hiện chi thường xuyên:

Thực hiện đến 30/06/2022 là 2.855.040.536 đồng đạt 50,8% so với dự toán năm 2022 so với cùng kỳ năm trước đạt 113,2% tăng 13,2%.

Trong đó so với dự toán năm 2022:

- Chi thanh toán cá nhân : 2.479.705.249 đồng đạt 61,1%
- Chi thanh toán dịch vụ công cộng : 61.820.513 đồng đạt 35,1%

- Vật tư văn phòng: 57.877.880 đồng đạt 21,3%
- Thông tin tuyên truyền liên lạc : 6.969.694 đồng đạt 13,7%
- Công tác phí : 10.800.000 đồng đạt 37,1%.
- Chi phí thuê mướn : 58.000.000 đồng đạt 43,6%
- Chi nghiệp vụ chuyên môn: 152.355.000 đồng đạt 48,6% .
- Chi khác: 27.512.200 đồng đạt 23,5% .

2.Kinh phí không thường xuyên: không có

Trên đây là công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 06 tháng đầu năm 2022.

Kiêu Kỵ, ngày 12 tháng 07 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ KIÊU KỴ

Trương Thị Kim Huế

Đơn vị: TRƯỜNG THCS KIÊU KỴ

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiêu Kỵ, ngày 12 tháng 07 Năm 2023

CÔNG KHAI
THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 tháng đầu năm 2023)
(Kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-THCSKK ngày 12 /07/2022 của Trường THCS Kiêu Kỵ)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Kiêu Kỵ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thựchiện 6 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ
I	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**				
1	**Số thu sự nghiệp**	**2.335.149.000**	**1.562.213.000**	**66,9%**	**292,2%**
1.1	Học phí	558.225.000	166.516.000		
1.2	Học 2 buổi	553.500.000	426.225.000	77,0%	
1,3	Học thêm	1.223.424.000	969.472.000	79,2%	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**2.335.149.000**	1.433.468.521	**61,4%**	**315,5%**
2.1	Chi sự nghiệp	2.335.149.000	1.433.468.521	61,4%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0		
	Học phí	558.225.000	114.562.000		
	Học 2 buổi	553.500.000	386.291.226	69,8%	
	Học thêm	1.223.424.000	932.615.295	76,2%	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0		
2.2	Chi quản lý hành chính	0	0	0,0%	0,0%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0		
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**0**	0	**0,0%**	**0,0%**
3.1	Lệ phí		0		
3.2	Phí		0		
			0		

II	**DỰ TOÁN CHI NSNN**	**6.508.000.000**	2.610.263.304	**40,1%**	91,4%
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**6.508.000.000**	2.610.263.304	**40,1%**	91,4%
3,1	***Kinh phí thực hiện chi thường xuyên***	***6.508.000.000***	2.610.263.304	**40,1%**	91,4%
	KP tiết kiệm 10% CCTL	0	0	**#DIV/0!**	
6001-6304	Chi thanh toán cá nhân	5.070.835.000	2.272.299.317	**44,8%**	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	206.000.000	41.500.453	**20,1%**	
6550	Vật tư văn phòng	242.779.000	21.651.500	**8,9%**	
6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc	50.760.000	6.696.634	**13,2%**	
6650	Chị hội nghi	33.500.000	0	**0,0%**	
6700	Thanh toán công tác phí	36.600.000	11.023.400	**30,1%**	
6750	Chi phí thuê mướn	134.500.000	40.000.000	**29,7%**	
6900+7053	Chi mua sắm, sửa chữa lớn	204.969.000	0	**0,0%**	
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	400.557.000	180.147.000	**45,0%**	
7750	Chi khác	127.500.000	36.945.000	**29,0%**	
1.2	***Kinh phí chi không thường xuyên***	***0***	0		
6001-6304	Chi thanh toán cá nhân		0		
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		0		
6550	Vật tư văn phòng		0		
6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc		0		
6650	Chị hội nghi		0		
6700	Thanh toán công tác phí		0		
6750	Chi phí thuê mướn		0		
6900+7050	Chi mua sắm, sửa chữa lớn		0		
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn		0		
7750	Chi khác		0		

nggày 12 tháng 7 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ KIỀU KỲ

Trương Thị Kim Huê

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2020 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG THCS KIÊU KỴ

CHƯƠNG: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 43 /QĐ- THCSKK ngày 12 tháng 07 năm 2023 của trường THCS Kiêu Kỵ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	Phí	
	Phí …	
	Phí …	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp……..***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	***Lệ phí***	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	Phí	
	Phí …	
	Phí …	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	-15,030
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-15,030
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	